

**CÔNG TY CP KT CÁT SẠN VÀ
VẬN TẢI THANH CHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /CTY

Thanh Chương, ngày 17 tháng 6 năm 2022

V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án, cơ sở dự án đầu tư Bến bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương.

1. Chúng tôi là: Công ty CP KT và vận tải Thanh Chương - Chủ đầu tư dự án, cơ sở dự án đầu tư Bến bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An thuộc mục số 2. Phụ lục. ban hành kèm theo Nghị định số 08/2011/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở dự án đầu tư Bến bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương.

2. Địa chỉ trụ sở chính của: Khối 1A, Thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương.

3. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư Bến bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.: xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 2901587771 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/9/2017.

4. Người đại diện theo pháp luật của: ông Nguyễn Đình Định, Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0986418467;

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Nguyễn Xuân Tú, Chức vụ: quản lý bến xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng.

Điện thoại: 0982150847;

Chúng tôi xin gửi đến Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Bền bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng);

- 01 bản Bản tóm tắt dự án Bền bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng);

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét cấp giấy phép môi trường của dự án, cơ sở Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Bền bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Công ty, Dự án;



Nguyễn Đình Định

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CÁT SẠN VÀ VẬN TẢI
THANH CHƯƠNG**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP, CẬP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư Bến bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm
5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng), huyện Thanh
Chương, tỉnh Nghệ An.

Thanh Chương, tháng 6 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CÁT SẠM VÀ VẬN TẢI
THANH CHƯƠNG**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư Bền bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm
5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng), huyện Thanh
Chương, tỉnh Nghệ An.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Định

Thanh Chương, tháng 6 năm 2022

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương;
- Địa chỉ văn phòng: Khối 1A, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương;
- Người đại diện theo pháp luật: Ông NGUYỄN ĐÌNH ĐỊNH, Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ thường trú: khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 2901587771 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/9/2017.

2. Tên cơ sở:

Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng xã Đại Đồng), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Địa điểm cơ sở: Xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng xã Đại Đồng), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Khu vực Bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5, xã Thanh Văn (nay là xóm Văn Thượng xã Đại Đồng), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An do Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương làm chủ đầu tư được thực hiện trên khuôn viên có diện tích 3988 m². Ranh giới khu vực quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Vị trí tọa độ quy hoạch bến bãi

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN.2000, KTT 104°45', Múi chiếu 3 ⁰	
	Y (m)	X (m)
M1	558080.2184	2081860.0370
M2	558104.2988	2081842.1509
M3	558012.7038	2081710.9626
M4	557989.9907	2081726.6673
M5	558006.8184	2081752.0470

M6	558070.4484	2081827.7870
Diện tích 3988 m ² .		

- + Phía Bắc giáp: Sông Lam;
- + Phía Tây giáp: Sông Lam
- + Phía Nam giáp: Đất ao hồ
- + Phía Đông giáp: Đất cây lâu năm.
- + Quy mô dự án:
 - Diện tích quy hoạch 3988 m².
 - Diện tích xây dựng công trình: 96,0m²;
 - Diện tích sân đường, cây xanh và bãi tập kết: 2.827,9 m²;
 - Mật độ xây dựng: 3,3 %.
 - Tầng cao: 01 tầng.

* Địa hình: Địa hình ở xã Đại Đồng là xã trung du; có địa hình khá bằng phẳng khá thuận tiện cho việc trồng lúa, trồng hoa màu như ngô, lạc, dưa, rau, có khả năng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ.

* Mạng sông suối: Sông Lam đoạn chảy qua huyện Thanh Chương bắt đầu từ xã Cát Văn và kết thúc ở xã Thanh Khai; Bến cát xóm Văn Thượng xã Đại Đồng nằm về phía bờ tả của Sông Lam; đoạn sông này rộng khoảng 70 - 80m, nước sâu 7 - 15m, nằm phía ngoài đê Thanh Văn, Thanh Tường được xây dựng kiên cố; Không có hiện tượng sạt lở; Vị trí neo đậu thuyền nằm xa dòng chảy chính nên rất thuận lợi cho việc neo đậu thuyền.

* Khí hậu: Xã Đại Đồng nói riêng và huyện Thanh Chương nói chung đều nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng và ẩm, với đặc trưng của khí hậu miền Trung. Thời tiết chia làm 4 mùa rõ rệt: Xuân – Hạ - Thu – Đông, khí hậu khắc nghiệt: mùa nóng và mùa lạnh. Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 7 hàng năm, mùa lạnh từ tháng 12 năm nay đến tháng 2 năm sau. Hàng năm chịu ảnh hưởng thiên tai lụt, bão, hạn hán, rét đậm, rét hại.

* Nhiệt độ bình quân năm từ 23,7°C đến 23,9°C. Nhiệt độ cao nhất trong năm vào giữa tháng 7 có thể lên đến 39°C. Biên độ nhiệt độ mùa lạnh thay đổi có khi đến 10°C. Nhiệt độ thấp nhất trung bình năm vào tháng 12, tháng 1 là 17,5°C. Lạnh nhất có thể đến dưới 8°C.

* Độ ẩm không khí trung bình là khoảng 80%, cao nhất là 95%.

Mùa lạnh chịu ảnh hưởng của gió Bắc và Đông Bắc xuất hiện từng đợt mang theo không khí lạnh tràn về, mỗi đợt thường kéo dài từ 3-5 ngày, thường hay có mưa phùn và sương mù, các đợt rét cục bộ, rét đậm, rét hại.

Mùa nóng chịu ảnh hưởng của gió Lào gây nóng bức.

Nhìn chung khí hậu tương đối ẩm áp, số giờ nắng cao, bức xạ lượng mưa lớn, phù hợp với nhiều loại cây trồng, có thể bố trí được 3 vụ cây trồng ngắn ngày trong năm để tăng hệ số sử dụng đất. Tuy nhiên, hàng năm mưa nắng bất thường gây ngập úng làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt phát triển kinh tế - xã hội.

* Mọi tương quan giữa vị trí dự án với các yếu tố tự nhiên: Khu vực quy hoạch xây dựng bến bãi nằm ở đất ven sông Lam; đất chưa sử dụng do UBND xã Thanh Văn (nay là xã Đại Đồng) quản lý. Hiện trạng đã có bãi tập kết cát và xung quanh là keo lá tràm.

Khu vực bến bãi nằm trong vùng quy hoạch phát triển giao thông thủy nội địa của tỉnh Nghệ An đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; đã được phê duyệt tại quyết định 5206/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 25/10/2016;

Khu vực bến bãi nằm liền với hệ thống giao thông thủy rất tốt; Từ đây đến vị trí khu mỏ đang xin cấp khai thác khoảng 1km về phía Tây Nam; Giao thông đường bộ nối với tuyến đê Tả Lam; cách tuyến đường 46 khoảng 50m; đến trung tâm huyện Thanh Chương khoảng 6km. Đường vào bến đã được đổ cấp phối, tuyến đê Tả Lam đã được đổ nhựa hoàn toàn kiên cố.

- Vị trí mỏ với địa điểm tập kết: Công ty xin cấp phép tại 04 vị trí mỏ, hiện nay 03 vị trí đã được cấp phép khai thác theo quy định; đối với khu mỏ xã Thanh Văn (Tọa độ trung tâm khu mỏ X= 557.368; Y= 2.080.737) hiện nay Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan để được cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; bến tập kết xã Đại Đồng được lấy từ khu vực mỏ Thanh Văn hoặc thu mua từ các khu mỏ trong khu vực (Mỏ của Công ty TNHH MTV Thanh Hưng, mỏ của Công ty tập đoàn Thiên Minh Đức; Khoảng cách từ các khu mỏ về bến tập kết khoảng 1km theo đường sông.

- Mọi tương quan giữa vị trí dự án với các yếu tố kinh tế - xã hội:

+ Khu vực bến bãi nằm trong quy hoạch nông thôn mới của xã Thanh Văn, nay là xã Đại Đồng và nằm trong quy hoạch bến thủy nội địa của tỉnh Nghệ An đã được phê duyệt tại quyết định 5206/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 25/10/2016;

+ Khu vực bến bãi không thuộc đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, hay do các cơ sở tôn giáo sử dụng, hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông. Bến nằm ngoài hành lang Quốc lộ 46; đảm bảo khoảng cách an toàn;

+ Mạng lưới giao thông thuận lợi, mạng lưới điện quốc gia, hệ thống thông tin liên lạc, trường học và trạm xá đầy đủ. Khu vực bến cách nhà dân gần nhất hơn 200m.

* Theo báo cáo kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2021 của xã Đại Đồng điều kiện về kinh tế như sau:

- Về trồng trọt: Cây lúa có tổng diện tích gieo trồng là 597.7ha, năng suất bình quân đạt 70.55 tạ/ha, sản lượng đạt 4128.6 tấn/ha, tã 1.5% so với cùng kỳ, đạt 60.02% so với kế hoạch đặt ra cả năm. Về cây ngô: diện tích ngô vụ đông, vụ xuân toàn xã là 173.7ha. Ngô vụ đông với diện tích 100.7ha, năng suất đạt 55 tạ/ha, sản lượng đạt 553.9 tấn và tăng 1.3% so với cùng kỳ. Ngô vụ xuân với diện tích gieo trồng là 73 Ha, năng suất đạt 54.03 tạ/ha, sản lượng đạt 394 tấn, giảm 3.5% so với cùng kỳ.

Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 7436 tấn, tăng 0.7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 69.5% kế hoạch cả năm. Diện tích lạc vụ Xuân là 39.14 ha, năng suất bình quân là 25.3 tạ/ha, sản lượng đạt 99 tấn, đạt 108.6% so với kế hoạch. Tổng diện tích rau màu là 130 ha.

- Về chăn nuôi: Tổng đàn trâu bò toàn xã là 3240 con, tổng đàn lợn là 5804 con, tổng đàn gia cầm là 115000 con. Dịch tả lợn Châu phi xảy ra đã tiêu hủy 394 con. Tổng số trâu bò bị tiêu hủy do mắc bệnh viêm da nổi cục là 49 con.

- Về thủy sản: diện tích nuôi cá toàn xã hiện có 574ha, diện tích nuôi tôm càng xanh, tôm thẻ chân trắng khoảng 1.2ha.

- Về sản xuất công nghiệp – xây dựng:

Một số nghề bán công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như: sản xuất gạch không nung, gia công cơ khí, sản xuất đồ mộc, xay xát, thợ nề... tiếp tục được duy trì ổn định, nâng cao giá trị thu nhập cho địa phương, giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Trong đó sản xuất gạch không nung đạt 2.8 triệu viên, hai làng nghề mộc mỹ nghệ và bún bánh hoạt động có hiệu quả, đem lại nguồn thu nhập khá cho nhân dân.

Hoàn thiện các hạng mục nhà học 2 tầng và tu sửa một số hạng mục công trình phụ trợ tại trường THCS Đại Đồng với tổng kinh phí 650 triệu đồng. Tiếp tục khởi công xây dựng trường THCS Đại Đồng tại cơ sở Thanh Văn.

- Về thương mại dịch vụ: Hoạt động thương mại và thị trường sôi động, hàng hóa đa dạng, phong phú. Hạ tầng thương mại ngày càng phát triển và hoàn thiện, góp phần thay đổi diện mạo, dịch vụ thương mại nông thôn, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Hoạt động tín dụng, ngân hàng trên địa bàn ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất.

- Về hoạt động văn hóa, thể thao: Chỉ đạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào: Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới ở địa phương; xây dựng mô hình Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao và thiết chế văn hóa thể thao ở khu dân cư. Thực hiện bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa.

Năm 2021-2021 tổng số học sinh trên toàn xã là 2220 em, đạt 99.8% kế hoạch huyện giao. Công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn được tập trung chỉ đạo và đạt kết quả tốt. Cuối năm 2020 được UBND huyện công nhận xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập giáo dục bậc tiểu học, THCS mức độ 3.

- Về dân số và y tế: Toàn xã có 3686 hộ với 14821 nhân khẩu, tỷ lệ bao phủ BHYT là 93%. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và khó lường kể từ khi đại dịch Covid 19 xảy ra ở nước ta, địa phương đã cố gắng làm tốt công tác phòng, chống dịch. Hoạt động y tế đảm bảo thường xuyên, tổng số lần đến khám bệnh tại Trạm Y tế là 1730 lượt, tổ chức thực hiện tiêm chủng đầy đủ theo quy định.

- *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):* chưa có.

- *Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):*

Dự án đầu tư Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại xóm 5 Thanh Văn nay là xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng được UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 với Tổng mức đầu tư của dự án là 3.37 tỷ đồng. Diện tích sử dụng đất 3988m²;

Chủ đầu tư đã đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, tuy nhiên chưa thực hiện lập hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường theo quy định. Hiện nay, đối chiếu với quy định hiện hành của pháp luật về Bảo vệ môi trường năm 2020, căn cứ loại hình dự án xác định: thuộc dự án nhóm III Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải

được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Tổng mức đầu tư: 3.370.000.000 đồng; chưa tính đền bù giải phóng mặt bằng. Đây là khu vực bến bãi đã tồn tại từ lâu, đã được xã đưa vào quy hoạch bến tập kết vật liệu, tình quy hoạch bến thủy nội địa và các Sở ban ngành đã thống nhất cho phép xây dựng sau khi hoàn thành hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng. Sau khi có phê duyệt quy hoạch xây dựng, Công ty tiến hành các hồ sơ, thủ tục khác để thuê đất và triển khai hoạt động, trong quá trình thực hiện chưa lập hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường. Căn cứ tổng mức đầu tư xác định quy mô dự án: dự án nhóm C theo quy định tại Điều 10, Luật đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi; khối lượng 100.000m³/năm (theo dự án đầu tư).

Số lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở là 15 người.

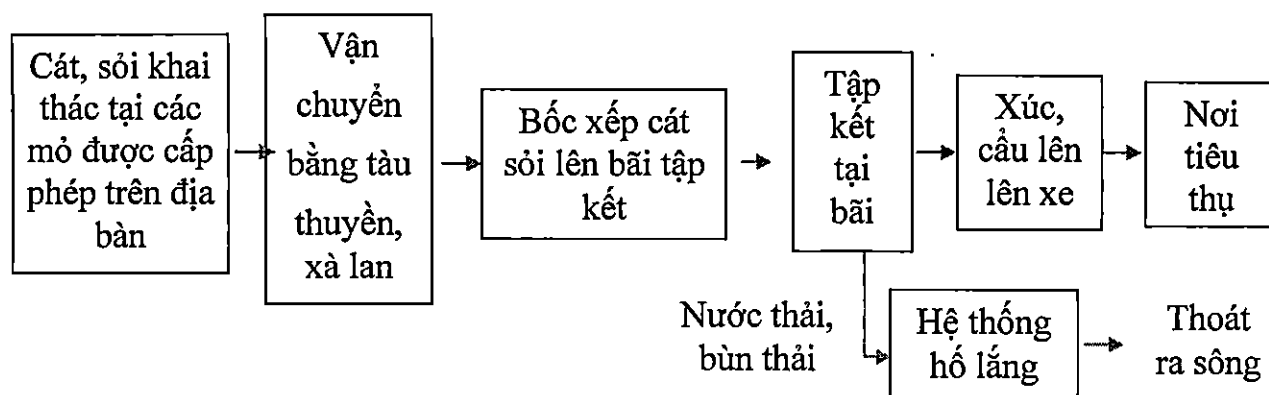
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

- Quy trình hoạt động của Bãi tập kết, kinh doanh cát sỏi làm vật liệu xây dựng như sau:

Cát, sỏi sau khi khai thác từ các mỏ trên địa bàn, vận chuyển bằng tàu, thuyền vận chuyển về tập kết tại bến bãi.

Việc bốc xếp hàng hóa là cát, sỏi từ các phương tiện đường thủy (tàu, thuyền) lên Bến bãi theo dự án đầu tư được thực hiện theo hình thức: sử dụng hệ thống cần trục gàu ngoạm cầu xúc cát, sỏi từ các phương tiện lên trên bãi chứa. Theo thiết chi tiết được phê duyệt gồm 7 cần trục gàu ngoạm.

Hỗn hợp cát sỏi từ trên tàu, thuyền được bốc xếp lên Bãi tập kết được sàng lọc và phân loại, sau đó tiếp tục được cầu, xúc từ bãi chứa lên xe tải trước khi được vận chuyển bán cho các cơ sở có nhu cầu.



Hình 1. Sơ đồ quy trình sản xuất kinh doanh

3.3 Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm là cát, sạn làm vật liệu xây dựng thông thường. Khối lượng 100.000m³/năm, khối lượng sỏi chiếm khoảng 6-7% cát.

Sỏi từ 5-50mm được tách ra từ hỗn hợp cát nước qua hệ thống sàng, sẽ được máy xúc vận chuyển đến khu vực tập kết sỏi theo quy định.

Hỗn hợp cát đã qua sàng để tách bùn thải và tạp chất khác được phân loại và chuyển về khu vực tập kết theo quy định sau đó xuất bán cho khách hàng có nhu cầu.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

Cát sỏi được thu mua từ các tàu, thuyền khai thác từ các điểm mỏ gần khu vực bến. Khoảng cách từ các khu mỏ về bến tập kết khoảng 1km theo đường sông; được tập kết về bãi và bán dần khi có khách hàng.

Nguyên, nhiên liệu tiêu thụ tại bãi là mỡ để bôi trơn máy cầu, dầu nhớt máy nổ, xăng máy phát điện dự phòng, xăng dầu chạy máy xúc lật, máy múc được mua tại các đơn vị cung ứng trên địa bàn.

- *Nhu cầu sử dụng điện*

+ *Nguồn điện sử dụng:* Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ lưới điện hạ thế của địa phương cấp vào tủ điện tổng của hạng mục công trình. Cấp từ lưới điện khu vực cấp đến công trình sử dụng cáp bọc và luồn trong ống HDPE.

+ *Công suất điện:* Các thiết bị sử dụng điện trong công trình bao gồm: máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của Bến bãi, hệ thống chiếu sáng ngoài và trong

khu nhà, ổ cắm điện, bơm nước sinh hoạt và chữa cháy. Được đấu nối và ký hợp đồng mua bán điện với Điện lực khu vực.

- Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sản xuất là từ nguồn nước sông Lam. Với công suất hoạt động của bến là 100 000m³/năm, tỷ lệ nước có trong cát ướt khoảng 5%, khối lượng cát được bốc xếp lên bến bãi bằng phương pháp dùng cần trục gàu ngoạm, có 07 cần trục theo thiết kế, hiện nay đã bố trí 5 cần trục gàu ngoạm, mỗi năm làm việc 250 ngày. Khối lượng nước phát sinh từ quá trình sản xuất (nước có trong cát ướt) là: (1000 000:250)*5%= 20m³/ngày làm việc.

Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt được khai thác từ giếng khoan khai thác nước dưới đất, được bơm lên các bể chứa phân phối đến khu vực sử dụng của dự án. Với tổng số cán bộ công nhân viên là 15 người. Lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt cán bộ công nhân viên là:

$$Q_{sh1} = 15 \times 100/1000 = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Trung bình 1 ngày có khoảng 20 lượt xe vào lấy cát. Lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt là là:

$$Q_{sh2} = 20 \times 30/1000 = 0.6\text{m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Tổng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của Công ty là:

$$Q_{sh} = 1,5 + 0.6 = 2.1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Theo QCVN 33:2006/BXD, Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình của Bộ Xây dựng, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt là 100 – 150 lít/người/ngày.đêm, lượng khách hàng đến làm việc là 30 lít/người/ngày.đêm.

Nhu cầu cấp nước cho hoạt động tưới ẩm đường khoảng 5 m³/ngày.đêm.

Tổng nước cấp cho hoạt động của bến bãi là: 20 + 2.1 + 5 = 27.1 m³/ngày.đêm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

Tầng cao 01 tầng.

- Các hạng mục công trình chính:

+ Nhà văn phòng làm việc, cao 1 tầng, diện tích xây dựng là 99m².

+ Nhà ăn và nghỉ ca công nhân 1 tầng, Diện tích xây dựng 50m²;

+ Gara xe, cao 1 tầng, diện tích 50m².

-
- + Nhà vệ sinh cao 1 tầng, diện tích 12 m².
 - + Trụ Cầu: 07 cái.
 - + Trạm cân.
 - Các hạng mục công trình phụ trợ: Công vào.
 - Hồ Lắng, diện tích xây dựng 48m².

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Khu đất công ty cổ phần khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương thực hiện dự án phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu của kỳ điều chỉnh huyện Thanh Chương được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 09/7/2018; có trong Kế hoạch sử dụng đất huyện Thanh Chương được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/01/2020.

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Căn cứ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cát Văn đã được UBND huyện Thanh Chương phê duyệt tại quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 thì vị trí khu đất thuộc khu vực quy hoạch đất bãi tập kết cát sỏi.

- Về quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa: Đã được phê duyệt tại quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Nghệ An đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Nội dung bảo vệ môi trường được tích hợp trong quy hoạch sử dụng đất theo từng kỳ quy hoạch, chưa lập riêng quy hoạch bảo vệ môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

- Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án:

Theo thuyết minh báo cáo dự án, và hiện trạng thực hiện trong thời gian qua nguồn tiếp nhận nước thải là Sông Lam, nguồn tiếp nhận khí thải là môi trường khu vực xung quanh dự án. Nhìn chung các thành phần môi trường xung quanh chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Để đánh giá chất lượng môi trường khu vực thực hiện dự án, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ đo đạc, lấy mẫu và phân tích đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực dự án tháng 5/2022.

Hiện trạng môi trường không khí: Chủ cơ sở phối hợp với Công ty CP Tài nguyên và Môi trường T&T thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường nước mặt sông Lam tại hai vị trí, vị trí K1: tại độ X:2081833, Y:558086, vị trí K2: tại độ X:2081730, Y:558009, vào ngày 31/5/2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT TB 1 giờ
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	35.7	35.9	
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	125	128	300
3	CO	µg/m ³	3012	3018	30.000
4	NO ₂	µg/m ³	30	31	200
5	SO ₂	µg/m ³	41	40	350

So sánh với QCVN 05:2013/TBTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

Kết quả phân tích các thông số cho thấy: Các thông số vi khí hậu gồm nhiệt độ, hướng gió, tốc độ gió phản ánh điều kiện đặc trưng cho mùa hè. Hàm lượng bụi lơ lửng trong không khí thấp hơn quy chuẩn QCVN 05:2013/TBTNMT. Nồng độ các khí CO, SO₂, NO₂ đều ở mức thấp hơn QCVN 05:2013/TBTNMT.

Hiện trạng môi trường nước mặt: Chủ cơ sở phối hợp với Công ty CP Tài nguyên và Môi trường T&T thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường nước mặt sông Lam tại tọa độ X:2081778, Y:558019 vào ngày 31/5/2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
1	pH	-	6.8	5.5-9
2	TSS	mg/l	12.4	50

3	COD	mg/l	15.2	30
4	BOD5	mg/l	8.36	15
5	NO3 - N	mg/l	0.13	10
6	NH4 - N	mg/l	0.08	0.9
7	Colifom	MPN/100ml	800	7500

So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về chất lượng môi trường nước mặt (Cột B1).

Kết quả phân tích chất lượng nước mặt tổng hợp cho thấy nước mặt trong khu vực dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Hàm lượng các chất ô nhiễm đều nằm dưới giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Thành phần của nước mưa có chất rắn lơ lửng cao, đồng thời cuốn theo các chất được rửa trôi trên bề mặt khu đất, khu vực bãi tập kết cuốn theo cát, bụi tại khu vực bãi tập kết. Nếu lượng nước mưa này không được thu gom xử lý khi chảy xuống sông sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sông, làm bồi lắng lòng sông.

Lưu lượng nước mưa lớn nhất có thể tính toán như sau (Theo Giáo trình Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường – TS Lê Trình)

$$Q = 0.278 * K * I * F$$

K: hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt, với đặc điểm là bề mặt đất trống, chọn k=0.6.

I: Cường độ mưa lớn nhất là 430 mm/ngày đêm.

F: diện tích khu vực là 3988 (m²)

Nên lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất là

$$Q = 0.278 * 0.6 * 430 * 3988 * 10^{-3} = 286 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn cát, bùn, chất thải trên bề mặt bãi tập kết và tuyến đường vận chuyển làm tăng hàm lượng chất ô nhiễm trong nước mưa. Nước mưa theo

địa hình từ tuyến đường vận chuyển chảy xuống bãi tập kết và chảy xuống sông Lam làm tăng hàm lượng độ đục cục bộ tại vị trí tiếp nhận nguồn nước.

Để hạn chế các tác động tới môi trường do nước mưa chảy tràn gây ra: Chủ đầu tư, cơ sở đã thực hiện các giải pháp:

- Sắp xếp bãi chứa cát, sỏi đã phân loại trên bãi tập kết đảm bảo không để bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi.

- Thực hiện thu gom cát, sỏi rơi vãi trên bãi tập kết và cát, sỏi rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển cát sỏi đoạn ra vào bến đồng thời với hoạt động xúc béc.

- Thực hiện nghiêm việc thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn. Không để chất thải rắn, chất thải nguy hại rơi vãi trên bãi tập kết.

- Thường xuyên tu bổ tuyến đường ra vào bến, không để bị lầy lội vào mùa mưa; thực hiện thu gom cát rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Nước mưa chảy tràn được thu gom vào mương, rãnh thu gom về hồ chứa nước để lắng cặn, cát bị cuốn trôi trước khi chảy ra sông Lam.

1.2 Thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu làm việc của cán bộ công nhân viên. Lưu lượng và mức độ ô nhiễm của nguồn thải này chủ yếu phụ thuộc số lượng người làm việc và lượng nước sử dụng hàng ngày. Số lượng nhân công tại cơ sở là 15 người thì nhu cầu sử dụng nước tối thiểu được trình bày tại mục 4, chương I là $2.1\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sản xuất: Vấn đề được quan tâm nhất là đối với nước thải sản xuất sẽ làm đục nước sông, làm xáo trộn thủy vực do hàm lượng chất rắn lơ lửng cao.

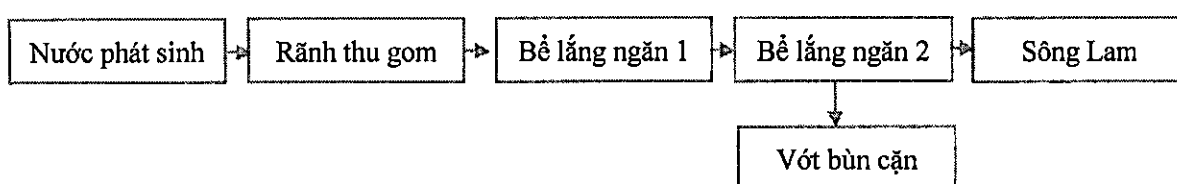
Quá trình khai thác cát, sỏi bằng tài hút rờ vận chuyển về bãi tập kết sẽ tạo ra một lượng nước thải lớn do nước sẽ theo máy hút lên cùng với cát sỏi trong quá trình khai thác. Lượng nước này chứa một lượng lớn chất rắn lơ lửng (bùn, cát) và sẽ được thải trở lại sông Lam. Lượng nước này sẽ làm tăng độ đục trong nguồn nước (phía hạ lưu bãi tập kết), ảnh hưởng đến chất lượng nước sông Lam.

Với tính toán trình bày tại mục 4, chương I thì lượng nước rỉ cát khoảng $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Nước róc chảy từ sản phẩm phát sinh trong quá trình hút và bóc xếp. Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường của loại nước chảy tràn này chủ yếu là các chất lơ lửng gây ra độ đục, khi chảy xuống sông làm giảm đáng kể chất lượng nước sông, ảnh hưởng đến các sinh vật sống trong thủy vực. Với đặc tính là hạt cát nhỏ nên nước rỉ

đề lắng, hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước róc thấp hơn và phạm vi ảnh hưởng do độ đục của nước róc cũng giảm đi rõ rệt. Bên cạnh đó, về phía hạ lưu của vị trí bến bãi không có hoạt động nuôi trồng thủy sản nên quá trình hoạt động của bến không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, nuôi trồng thủy sản trên sông Lam.

Nước thải phát sinh từ hoạt động bốc dỡ cát trên bến tập kết được thu gom vào 02 hố lắng 2 ngăn để lắng lọc trước khi thải ra môi trường. Khối lượng nước thải là 20m³/ngày, Công ty đã xây dựng hai hố lắng tại bãi tập kết để xử lý nước thải trước khi chảy xuống sông Lam.



1.3. Xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Số lượng nhân viên là 15 người làm việc tại dự án, với lưu lượng nước cấp là 100 lít/người/ngày.đêm thì lượng nước thải phát sinh sẽ là:

$$Q_{sh} = 15 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} \times 80\% = 1200 \text{ lít/ngày.đêm}$$

(lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp).

Đối với nước thải nhà vệ sinh được xử lý tại nhà vệ sinh thông qua bể tự hoại (3 ngăn) đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó chảy ra Sông Lam. Hiện trạng bể tự hoại đã được xây dựng gồm 02 bể bán kính 1.5m, sâu 2m với tổng thể tích mỗi bể là 4.7m³. Theo tài liệu hướng dẫn thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, quản lý vận hành và bảo dưỡng bể tự hoại của PGS.TS Nguyễn Việt Anh – Trường Đại học Xây dựng thì dung tích đơn vị xử lý nước thải khu nhà vệ sinh là 0.27m³/người nên công trình đảm bảo xử lý nước thải phát sinh tối đa của 34 người. Vì vậy, công trình xử lý nước thải phát sinh đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định.

Bên cạnh đó, Chủ bến bãi ưu tiên sử dụng nhân công lao động tại địa phương, thường chỉ làm việc 8 giờ trên bến bãi, chủ yếu tắm rửa ở nhà nhằm giảm mức phát thải nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sản xuất:

Thể tích bể lắng được tính toán như sau:

$$V = Q \cdot d \text{ (m}^3\text{)}$$

Q: lưu lượng nước phát sinh 20 m³/ngày, với thời gian phát sinh nước thải trong một ngày là 8 giờ thì lượng nước phát sinh tương đương khoảng 2.5m³/giờ.

d: thời gian lắng là 2.5 giờ (thời gian lắng yêu cầu thiết kế là 1 - 2.5 giờ.

Như vậy, thể tích hồ lắng cần cần thiết là: 2.5 * 2.5 = 6.25m³. Để đảm bảo trong khâu xử lý, Công ty đã đầu tư xây dựng hai hệ thống bể lắng 2 ngăn, mỗi ngăn có kích thước 4m*6m*1m với tổng thể tích là 48m³.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: 02 vị trí, nguồn tiếp nhận nước thải là sông Lam.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Đối với loại hình hoạt động của dự án bến bãi tập kết, kinh doanh cát sỏi thì các nguồn chất thải phát sinh và tác động tới môi trường bao gồm: Bụi phát sinh từ hoạt động của bến bãi tập kết cát sỏi; bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển; tiếng ồn. Lượng bụi phát sinh phụ thuộc vào trọng tải, số bánh xe tác động lên mặt đường, vận tốc của phương tiện đang hoạt động, lượng bụi đất trên mặt đường...

- Đối với bụi: Theo Tổ chức Y tế Thế giới WHO tải lượng ô nhiễm bụi do hoạt động hoạt khoáng sản trong điều kiện không có hệ thống khống chế là 0.17kg bụi/tấn. Công suất hoạt động của bến bãi là 100000m³/năm, khối lượng riêng của cát là 1.56m³/tấn. Sẽ làm phát sinh 26520 kg bụi/năm. Với chế độ làm việc 250 ngày/năm thì lượng bụi cát phát sinh là 106 kg bụi/ngày.

$$\text{Nồng độ bụi trung bình mg/m}^3 = \text{Tải lượng bụi (kg/ngày)} \cdot 10^6 / 8 / 360 / V \text{ (m}^3\text{)}$$

- Ngày làm việc 8 giờ;

- Thể tích tác động lên dự án là $V = S \cdot h$, Diện tích bãi là 3988m², Chiều cao tác động đến con người là $h = 2$, $V = 3988 \cdot 2 = 7967$

$$\text{Nồng độ bụi trung bình là } = 106 \cdot 10^6 / 8 / 360 / 7967 = 0.46 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Bụi phát sinh từ hoạt động của bến bãi tập kết cát sỏi khi không có hệ thống khống chế ô nhiễm sẽ vượt giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT (nồng độ bụi trung bình là 0.3mg/m³).

Khí thải sinh ra chủ yếu từ khí thải của xe vận chuyển vật liệu và ống khói của tàu thuyền chở cát, sỏi thải ra với thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là bụi than, CO_x, SO_x, NO_x, chất hữu cơ (THC)... Theo số liệu của tổ chức Y tế Thế giới

(WHO), động cơ tiêu thụ 1 tấn dầu diesel thải vào không khí 4,3kg bụi lơ lửng, 64kg SO₂, 28 kg CO, 55 kg NO₂, 12kg VOC.

Khí thải sinh ra chủ yếu từ khí thải của xe vận chuyển vật liệu và ống khói của tàu thuyền chở cát, sỏi thải ra với thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là bụi than, CO_x, SO_x, NO_x, chất hữu cơ (THC)...

Tuy nhiên nguồn thải này chỉ gây ảnh hưởng cho khu vực trong thời gian ngắn vì nguồn khí thải này sẽ dần ít đi khi tàu thuyền ngưng hoạt động, hoạt động xuất bán không liên tục vì phụ thuộc vào nhu cầu thị trường, nguồn thải này dần pha loãng vào không khí. Để hạn chế bụi, khí thải:

- Công ty sử dụng máy móc, thiết bị đảm bảo các thông số kỹ thuật, thường xuyên thực hiện đăng kiểm theo quy định.

- Sử dụng nhiên liệu đúng theo thông số kỹ thuật của phương tiện, ưu tiên sử dụng các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Tưới ẩm những vị trí phát sinh bụi trong khuôn viên bến bãi, đặc biệt là khu vực xúc bốc, tưới ẩm tuyến đường vận chuyển.

- Duy tu, bảo dưỡng tuyến đường ra vào bến, hạn chế tuyến đường bị xuống cấp làm phát sinh bụi khi phương tiện đi qua.

- Yêu cầu lái xe, phương tiện vận chuyển giảm tốc độ tại khu vực ra vào bến.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực bãi tập kết.

- Các xe đến mua vật liệu được yêu cầu chở đúng tải trọng cho phép, trước khi xuất bãi thì phải được che chắn bằng bạt không để vật liệu rơi vãi ra ngoài trong quá trình lưu thông trên đường.

- Tất cả rác thải sinh hoạt của bãi phải được thu gom vào thùng đựng có nắp đậy và được vận chuyển hàng ngày ra khỏi khu vực bãi hạn chế mùi.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Bãi tập kết vào giờ cao điểm sẽ tập trung khoảng 15 người nên lượng rác phát sinh là khoảng 7.5 kg/ngày (trung bình một người một ngày thải ra 0,5kg rác). Các loại chất thải rắn này nếu không được thu gom xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí (do phát sinh mùi hôi thối), ô nhiễm nước sông và ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực.

Vì vậy, chủ đầu tư đã tổ chức thu gom, tập trung vào thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đặt tại các nhà làm việc và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức

năng thu gom xử lý theo đúng quy định của xã Đại Đồng.

Chất thải rắn sản xuất:

- Bùn đất từ hồ lắng: chủ yếu là phù sa được Chủ dự án tập kết vào một khu vực trong khuôn viên bến bán cho tổ chức cá nhân có nhu cầu san nền hoặc định kỳ khoảng 2 lần/năm phối hợp bốc vận chuyên về bãi tập kết của xã Đại Đồng hoặc mục đích khác.

- Đối với cát sỏi rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển đọa ra vào bến được thu gom, xúc bốc cùng với hoạt động của bến.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

* Đối với chất thải nguy hại

Các chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải.... Nguồn chất thải nguy hại này nếu không được thu gom và xử lý thì có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước sông Lam, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, làm mất mỹ quan và ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái khu vực. Để hạn chế tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở gây ra, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Không thực hiện sửa chữa bảo dưỡng lớn các phương tiện thường xuyên tại cơ sở để giảm thiểu lượng chất thải nguy hại phát sinh. Chỉ thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ.

- Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom vào thùng lưu giữ chất thải nguy hại đặt tại kho chất thải nguy hại, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom do Công ty đã hợp đồng. Kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 3 m², được vây kín bằng tôn, có mái che, dán nhãn chất thải nguy hại, mặt sàn không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn, trong đó bố trí 3 thùng phi có nắp đậy để phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại.

Hoạt động của cơ sở phát sinh khối lượng chất thải nguy hại nhỏ, không thường xuyên nên được lưu trữ tại các thùng phi hoặc thùng composit có nắp đậy, được đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

Chủ đầu tư liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để đăng ký, cấp giấy phép quản lý theo quy định và định kỳ liên hệ với đơn vị có chức năng để thu gom đưa đi xử lý.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn: Nguồn ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển, hoạt

động bốc xúc, tàu thuyền khi vào bãi.

Dự báo độ ồn tối đa đối với tàu thuyền trong khoảng 80 ÷ 85 dBA, đối với các phương tiện giao thông trong khoảng 85 ÷ 95 dBA mức ồn này vượt quy chuẩn cho phép (Quy chuẩn 26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực cộng đồng dân cư: 70dBA).

Tiếng ồn ảnh hưởng trong khu vực bãi, càng ra xa độ ồn cảm giảm và nguồn ồn này cũng không liên tục mà chỉ xuất hiện khi có phương tiện, tàu thuyền vào bãi. Tiếng ồn từ các phương tiện vận tải sẽ ảnh hưởng đến người tham gia giao thông và các hộ dân sống gần khu vực bến, dọc đường ra vào bến.

Độ rung: Độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của bến bãi chủ yếu là hoạt động của máy xúc, cần trục gàu ngoạm, phương tiện vận chuyển, độ rung thường chỉ ảnh hưởng đến công nhân vận hành phương tiện mà không ảnh hưởng đến các công trình và điểm dân cư.

Chủ dự án sẽ áp dụng thêm một số biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các loại máy móc phải đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước. Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết. Có sự thay đổi ca lao động cho các công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao, giảm giờ làm và thay đổi ca để tránh tiếp xúc quá lâu với tiếng ồn lớn như công nhân vận hành máy.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho nhân công, cơ chế độ bồi dưỡng cho công nhân thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, độ rung cao.

- Chỉ hoạt động từ 7 giờ sáng đến 18 giờ hàng ngày, không hoạt động vào giờ nghỉ trưa (11h30 đến 13h30).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1 Sự cố môi trường do cháy, nổ

Như đã phân tích và dự báo ở trên, môi trường khu vực có chứa xăng, dầu nên mức độ tiềm tàng gây sự cố cháy khi có nguồn nhiệt cao, hoặc do chập điện. Mức độ tác động: Có thể gây thiệt hại cho bãi vật liệu về người và tài sản, ảnh hưởng tới

môi trường. Do đó, công tác phòng cháy chữa cháy tại dự án cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc.

Giáo dục tuyên truyền ý thức và trách nhiệm phòng chống cháy nổ (PCCN) cho cán bộ công nhân viên, cần phải có các giải pháp kỹ thuật phòng chống cháy nổ theo quy định của Pháp luật. Các giải pháp PCCN cơ bản gồm:

- Hệ thống điện trong bãi phải được lắp đặt theo TCVN 5334 - 91: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong thiết kế và lắp đặt. Các dây dẫn, cáp điện trong khu vực bãi được lắp và luồn vào ống HDPE, các thiết bị điện loại phòng nổ có độ an toàn cao.

- Các máy móc thiết bị làm việc phải có đăng kiểm thường xuyên tại cơ quan chức năng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

6.2 Sự cố tai nạn giao thông - tràn dầu:

Dự án hoạt động thì sẽ có các phương tiện đến mua vật liệu, máy móc bốc xúc của bãi, tàu thuyền chở vật liệu cho bãi. Thiết bị máy móc, phương tiện này nếu không có biện pháp quản lý ra vào phù hợp sẽ dễ dàng xảy ra các tai nạn giao thông, gây ra các sự cố gây cháy, nổ, đắm tàu ở mức độ nghiêm trọng khác nhau, gây tràn dầu ảnh hưởng đến môi trường nước, đất, hệ sinh thái và gây thiệt hại tài sản cho ngư dân.

6.3 Giảm thiểu tai nạn lao động:

An toàn trong khâu xúc bốc: Khi có những trận mưa lớn kéo dài, có thể gây ra hiện tượng lũ quét, phải nghỉ việc, di chuyển thiết bị ra khỏi vùng có thiết bị ảnh hưởng của lũ và đất lở.

Đảm bảo an toàn lao động cho con người:

- Hệ thống biển báo, băng rôn, khẩu hiệu nhắc nhở về an toàn lao động sẽ được bố trí hợp lý tại các điểm dễ quan sát và tập trung đông công nhân.

- Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên. Qua đó có các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời và thích hợp.

- Tại bãi vật liệu trang bị một tủ thuốc y tế có đủ cơ số thuốc và thiết bị cấp cứu và sơ cứu.

- Trang bị đầy đủ và có hiệu quả các thiết bị bảo hộ lao động và có kế hoạch kiểm tra sức khỏe cán bộ công nhân viên định kỳ hàng năm nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp. Từ đó có các biện pháp chuyển chuyển hoặc

cho nghỉ việc theo từng trường hợp cụ thể.

- Trang bị những kiến thức cơ bản về sơ cấp cứu người bị nạn; trang bị những phương tiện cần thiết để khi cần có thể nhanh chóng có mặt ở những vị trí xảy ra sự cố, cấp cứu kịp thời, hạn chế sự cố trong lúc chờ đợi cấp cứu vùng đến.

6.4. Tác động do bồi tích và độ ổn định của bờ sông:

Quá trình hoạt động neo đậu phương tiện, bốc xếp cát sỏi của dự án có phát sinh nước thải, bùn đất, cát sỏi rơi vãi, nếu không tuân thủ việc bốc xếp hàng hóa thì cát sỏi, bùn đất sẽ cuốn trôi xuống sông Lam có thể gây nên hiện tượng bồi tụ gây ảnh hưởng dòng chảy và hoạt động giao thông thủy của bến thủy nội địa do bị bồi lắng. Khả năng thay đổi tốc độ dòng chảy do việc neo đậu các phương tiện ra vào bến để bốc xếp hàng hóa. Để giảm thiểu tác động đến việc bồi lắng lòng sông, đến sự ổn định bờ sông chủ đầu tư thực hiện các giải pháp sau:

- Gia cố bờ sông tại điểm xả thải.
- Luôn theo dõi diễn biến của quá trình bồi lắng, các hiện tượng sạt lở. Định kỳ nạo vét khối lượng bồi tích nếu có theo đúng điều kiện thủy văn khu vực, theo hình thức cuốn chiều từ dưới lên.
- Thực hiện việc bốc xếp hàng hóa đảm bảo hạn chế tối đa việc thất thoát, rơi vãi gây bồi lắng.
- Việc neo đậu phương tiện vận chuyển hàng hóa đảm bảo an toàn, tránh va đập, bố trí thời gian làm việc hợp lý, không tập trung một lúc nhiều phương tiện vào cập bến.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thực hiện ứng phó với các sự cố nếu có xảy ra.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sản xuất

+ Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20 m³/ngày đêm.

+ Dòng nước thải: dòng nước thải đề nghị cấp phép là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận.

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: pH, DO, chất rắn lơ lửng, COD, amoni, nitrat, nitrit, colifom, tổng dầu mỡ.

+ Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: vị trí 1: có tọa độ địa lý x: 2081805, y:558090; vị trí 2: có tọa độ địa lý x:2081800, y: 558103, hệ tọa độ VN 2000)

- Phương thức xả thải: tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Lam.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

Hoạt động bốc xếp hàng hóa (tập kết, kinh doanh cát sỏi) của cơ sở: hoạt động của hệ thống cần trục gàu ngoạm, máy xúc, xe vận tải hàng hóa.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

+ QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép độ rung tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2010/TBTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – giá trị giới hạn tối đa các mức tiếng ồn tại khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. **Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:** chưa thực hiện.

2. **Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:** chưa thực hiện

3. **Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:**

Để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm về lĩnh vực bảo vệ môi trường, chủ cơ sở tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tại thời điểm lập báo cáo, chủ cơ sở đang thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và thực hiện đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định.

Để lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở phối hợp với Công ty CP Tài nguyên và Môi trường T&T thực hiện lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường tại khu vực thực hiện dự án. Tiến hành lấy mẫu phân tích chất lượng nước mặt, chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án.

* Đối với chất lượng môi trường không khí xung quanh tiến hành lấy hai mẫu tại hai vị trí, vị trí K1: tại tọa độ X:2081833, Y:558086, vị trí K2: tại tọa độ X:2081730, Y:558009, vào ngày 31/5/2022.

So sánh với QCVN 05:2013/TBTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

Hiện trạng môi trường không khí:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT TB 1 giờ
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	35.7	35.9	
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	125	128	300
3	CO	µg/m ³	3012	3018	30.000
4	NO ₂	µg/m ³	30	31	200
5	SO ₂	µg/m ³	41	40	350

Kết quả phân tích các thông số cho thấy:

- Thông số vi khí hậu gồm nhiệt độ phản ánh điều kiện đặc trưng cho mùa hè.
- Hàm lượng bụi lơ lửng trong không khí thấp hơn quy chuẩn QCVN 05:2013/TBTNMT.
- Nồng độ các khí CO, SO₂, NO₂ đều ở mức thấp hơn QCVN 05:2013/TBTNMT.

* Hiện trạng môi trường nước mặt: Chủ cơ sở phối hợp với Công ty CP Tài nguyên và Môi trường T&T thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường nước mặt sông Lam tại 01 vị trí về phía hạ lưu của dự án có tọa độ X:2081778, Y:558019 vào ngày 31/5/2022.

So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về chất lượng môi trường nước mặt (Cột B1).

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
1	pH	-	6.8	5.5-9
2	TSS	mg/l	12.4	50
3	COD	mg/l	15.2	30
4	BOD5	mg/l	8.36	15
5	NO ₃ - N	mg/l	0.13	10
6	NH ₄ - N	mg/l	0.08	0.9
7	Colifom	MPN/100ml	800	7500

Kết quả phân tích chất lượng nước mặt tổng hợp cho thấy nước mặt trong khu vực dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Hàm lượng các chất ô nhiễm đều nằm dưới giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, cơ sở rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Dự án có các công trình xử lý chất thải:

- Hồ lắng của dự án hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (bãi tập kết, kinh doanh cát sỏi).

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại Điều 53, Luật Bảo vệ môi trường: công trình bể tự hoại.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì các công trình xử lý môi trường của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Chủ dự án phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tiến hành quan trắc định kỳ chất lượng môi trường nhằm mục đích kiểm soát, bảo vệ và giám sát ô nhiễm môi trường. Tình trạng môi trường sẽ thường xuyên được theo dõi, số liệu được lưu giữ. Thông qua các diễn biến về chất lượng môi trường sẽ giúp xác định lại các tác động môi trường. Kết quả quan trắc được chủ dự án gửi về UBND huyện Thanh Chương qua phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan định kỳ.

- Quan trắc nước thải sản xuất:

+ Vị trí: tại hai vị trí xả thải.

+ Tần suất: 6 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Chất rắn lơ lửng, COD, Tổng Nito, tổng Phốt pho, Colifom, tổng dầu mỡ khoáng.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B).

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: không áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Lưu lượng xả nước thải của cơ sở là 27.1m³/ngày đêm, căn cứ quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

* Giám sát môi trường không khí:

- Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi lơ lửng

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại trung tâm bãi tập kết, 01 vị trí tại tuyến đường vận chuyển (giao với quốc lộ 46).

- Tần suất: Tại khu vực trung tâm bãi tập kết: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về môi trường; Tại tuyến đường vận chuyển đoạn giao với quốc lộ 46 thực hiện lấy mẫu khi thời tiết khô hanh và lưu lượng phương tiện vận chuyển nhiều.

- Quy chuẩn áp dụng:

Tại vị trí trung tâm bãi tập kết: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép độ rung tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Tại tuyến đường vận chuyển đoạn tiếp giáp với Quốc lộ 46: QCVN 05:2013/TBTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

* Giám sát chất thải rắn: Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn như: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường. Theo dõi khối lượng của các loại chất thải phát sinh. Giám sát các biện pháp thu gom, phân loại, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn. Tần suất: thường xuyên và liên tục. Quy định áp dụng: Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

* Giám sát chất thải nguy hại: Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ rò rỉ, xăng dầu rò rỉ... Theo dõi khối lượng

chất thải nguy hại phát sinh. Giám sát các biện pháp thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị dịch vụ. Tần suất: thường xuyên và liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường hằng năm tại dự án, chủ cơ sở hợp đồng dịch vụ với các tổ chức được cấp phép hoạt động trên địa bàn tiến hành lấy mẫu, phân tích và báo cáo kết quả quan trắc cho các cơ quan liên quan.

Chi phí được chủ cơ sở tính toán trong chi phí hoạt động của dự án và chủ đầu tư chi trả theo đơn giá hợp đồng đã được ký kết, trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm qua, cơ sở Bền bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường cát sỏi tại thôn Văn Thượng, xã Đại Đồng đã được các đoàn kiểm tra liên ngành của UBND huyện Thanh Chương kiểm tra chung về việc chấp hành pháp luật trong hoạt động tập kết, kinh doanh cát sỏi. Chưa có các đợt kiểm tra, thanh tra riêng về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

Ngày 06/5/2022, Công ty được Đoàn kiểm tra liên ngành được thành lập theo số 847/QĐ-UBND ngày của UBND huyện kiểm tra, phát hiện Công ty chưa lập bản kế hoạch bảo vệ môi trường (Giấy phép môi trường) được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Nên đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường, quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-Cp ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày, hiện nay Công ty đang tiến hành khắc phục hậu quả.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan bao gồm:
 - Thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn khu vực dự án trong suốt quá trình hoạt động.
 - Đầu tư kinh phí và thực hiện các biện pháp giảm thiểu, khống chế các tác nhân gây ô nhiễm đến môi trường như:
 - + Đối với môi trường không khí:

Tại vị trí trung tâm bãi tập kết: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép độ rung tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Tại tuyến đường vận chuyển đoạn tiếp giáp với Quốc lộ 46: QCVN 05:2013/TBTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Đối với chất thải rắn: Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn như: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường. Theo dõi khối lượng của các loại chất thải phát sinh. Giám sát các biện pháp thu gom, phân loại, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Đối với chất thải nguy hại: Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ rò rỉ, xăng dầu rò rỉ... Theo dõi khối lượng chất thải nguy hại phát sinh. Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị dịch vụ.

+ Đối với nước thải sản xuất: thu gom, xử lý nước thải sản xuất trước khi xả thải ra môi trường đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất.

- Cam kết thực hiện quan trắc, giám sát môi trường để theo dõi chất lượng môi trường đầy đủ và kịp thời.

- Cam kết chịu mọi trách nhiệm nếu để xảy ra vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân và môi trường tại khu vực thực hiện dự án.

- Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc và chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng về hoạt động của dự án về mặt bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Các hồ sơ pháp lý khác có liên quan.



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 11, ngõ 10, đường Nguyễn Huy Tự, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: http://moitruongtt.com.vn
Điện thoại: 0983 338 778; 0977 342 468

Số: 0101/2022/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 6 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Mẫu phân tích : Chất lượng môi trường không khí xung quanh.
- Địa điểm lấy mẫu : Bãi tập kết vật liệu và xây dựng thông thường cát sỏi tại xã Đại Đồng (Thanh Văn cũ), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
- Ngày lấy mẫu : Ngày 31/5/2022.
- Đặc điểm thời tiết : Trời nắng.
- Kết quả phân tích :

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT TB 1 giờ
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	35,7	35,9	-
2	Bụi tổng số (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/m ³	125	128	300
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	41	40	350
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	30	31	200
5	CO	SOP.TN.II.3	µg/m ³	3012	3018	30.000

Ghi chú: SOP.TN.II.3: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích CO trong môi trường không khí xung quanh.

Tọa độ vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	K1	X(m) = 2081833; Y(m) = 558086	Tại phía Đông Bắc bãi tập kết
2	K2	X(m) = 2081730; Y(m) = 558009	Tại Phía Tây Nam khu vực bãi tập kết

Đại diện nhóm phân tích

Đâu Thị Kim Ngân

Người kiểm tra

Nguyễn Thị Như Trang



Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT.



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 11, ngõ 10, đường Nguyễn Huy Tự, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>
Điện thoại: 0983 338 778; 0977 342 468

Số: 0102 /2022/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 6 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Mẫu phân tích : Chất lượng môi trường nước mặt.
- Địa điểm lấy mẫu : Bãi tập kết vật liệu và xây dựng thông thường cát sỏi tại xã Đại Đồng (Thanh Văn cũ), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
- Ngày lấy mẫu : Ngày 31/5/2022.
- Đặc điểm thời tiết : Trời nắng.
- Kết quả phân tích :

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B ₁
				NM	
1	pH	TCVN 6492:2011	Thang pH	6,8	5,5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	8,36	15
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	15,2	30
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	12,4	50
5	NH ₄ ⁺ - N	SMEWW 4500-NH ₃ :F:2017	mg/l	0,08	0,9
6	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4500-NO ₃ :2017	mg/l	0,13	10
7	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	800	7.500

Tọa độ vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ^o	Địa điểm lấy mẫu
1	NM	X(m)= 2081778; Y(m) = 558019	Lấy tại sông Lam

Đại diện nhóm phân tích

Đâu Thị Kim Ngân

Người kiểm tra

Nguyễn Thị Như Trang



Phạm Đức Long

Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4163/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 11 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2244/SKHĐT-KTĐN ngày 30/8/2017 về việc chủ trương đầu tư Dự án Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi tại địa bàn huyện Thanh Chương của Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương và hồ sơ đề xuất dự án kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH

Nhà đầu tư: Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2901587771 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/10/2013.

Địa chỉ trụ sở chính: Khối 11, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Đình Định.

Sinh ngày: 10/10/1957; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Giấy chứng minh nhân dân số 182304121 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/05/2013;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

Chỗ ở hiện tại: Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Thông tin về dự án:

1. Tên Dự án: Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi.



2. Mục tiêu Dự án: Mua bán, sản xuất, vận chuyển các loại sản phẩm từ cát sỏi, đá xây dựng trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận.

3. Quy mô dự kiến: Các hạng mục công trình gồm: Nhà văn phòng làm việc; Nhà bảo vệ và các công trình phụ trợ. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án phải đảm bảo kết nối hài hòa với hệ thống hạ tầng khu vực bên ngoài của dự án; phải có giải pháp về thu gom, xử lý nước thải, rác thải để không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

4. Địa điểm thực hiện:

Dự án 1:

* Địa điểm: xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp: Đất 5% do UBND xã Thanh Hà quản lý;
- Phía Nam giáp: Đất 5% do UBND xã Thanh Hà quản lý;
- Phía Đông giáp: Sông Lam;
- Phía Tây giáp: Đường 533.

* Hiện trạng khu đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác do UBND xã Thanh Hà quản lý, sử dụng.

* Diện tích sử dụng đất dự kiến: 1.200 m²

Dự án 2:

* Địa điểm: xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp: Đường giao thông;
- Phía Nam giáp: Đất UBND xã quản lý;
- Phía Đông giáp: Sông Lam;
- Phía Tây giáp: Đường giao thông.

* Hiện trạng khu đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác do UBND xã Phong Thịnh quản lý, sử dụng.

* Diện tích sử dụng đất dự kiến: 1.900 m²

Dự án 3:

* Địa điểm: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp: Đất màu thôn Lam Giang;
- Phía Nam giáp: Đất màu thôn Lam Giang;
- Phía Đông giáp: Sông Lam;
- Phía Tây giáp: Đất màu thôn Lam Giang.

* Hiện trạng khu đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác do UBND xã Võ Liệt quản lý, sử dụng.

* Diện tích sử dụng đất dự kiến: 2.500 m²

Dự án 4:

* Địa điểm: Xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp: Đất trồng cây hàng năm khác;

- Phía Nam giáp: Sông Lam;
- Phía Đông giáp: Đất trồng cây hàng năm khác;
- Phía Tây giáp: Đất trồng cây hàng năm khác.

* Hiện trạng khu đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác do UBND xã Đồng Văn quản lý, giao cho các hộ gia đình sản xuất không thuộc quỹ đất công ích.

* Diện tích sử dụng đất dự kiến: 3.493 m²

Dự án 5

* Địa điểm: Xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể

- Phía Bắc giáp: Sông Lam;
- Phía Nam giáp: Đất ao hồ;
- Phía Đông giáp: Đất trồng cây lâu năm;
- Phía Tây giáp: Đất trồng cây lâu năm.

* Hiện trạng khu đất: Đất bằng trồng cây lâu năm do UBND xã Thanh Văn quản lý, sử dụng.

* Diện tích sử dụng đất dự kiến: 3.988 m²

Dự án 6:

* Địa điểm thực hiện: Xóm 2, xã Thanh Hưng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp: Đất trồng màu;
- Phía Nam giáp: Đất hoang;
- Phía Đông giáp: Đất trồng màu;
- Phía Tây giáp: Sông Lam.

* Hiện trạng khu đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác do UBND xã Thanh Hưng quản lý, sử dụng.

* Diện tích sử dụng đất dự kiến: 3.128 m²

5. Tổng vốn đầu tư của mỗi Dự án: 3,370 tỷ đồng. Trong đó: vốn tự có là 1,370 tỷ đồng, chiếm 40,7% tổng mức đầu tư, Vốn vay ngân hàng: 2,0 tỷ đồng, chiếm 59,3% tổng mức đầu tư của Dự án.

6. Thời hạn hoạt động của Dự án: 50 (Năm mươi) năm kể từ ngày được UBND tỉnh có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

7. Tiến độ thực hiện Dự án:

Dự án thực hiện trong thời gian 6 tháng kể từ ngày được thuê đất.

Điều 2. Ưu đãi đầu tư cho Dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện Thanh Chương:

Hướng dẫn, yêu cầu Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương:

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND huyện Thanh Chương để hoàn thành hồ sơ, thủ tục có liên quan (đất đai, quy hoạch xây dựng, các nội dung về bảo vệ môi trường,...) trước khi triển khai thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 09/11/2016. Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương trực tiếp làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn và thực hiện ký quỹ bảo đảm dự án trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Dự án chỉ được khởi công khi Chủ đầu tư đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của pháp luật.

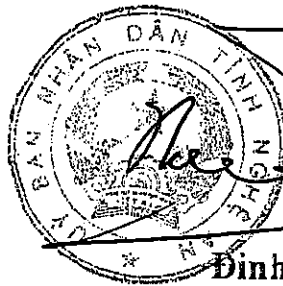
Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương; Chủ tịch UBND các xã: Thanh Hà, Phong Thịnh, Võ Liệt, Đồng Văn, Thanh Văn, Thanh Hưng huyện Thanh Chương. Các tổ chức, cá nhân liên quan và Chủ đầu tư căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Đinh Viết Hồng;
- PVP CN UBND tỉnh;
- Lưu: VTUB, CN (MT).

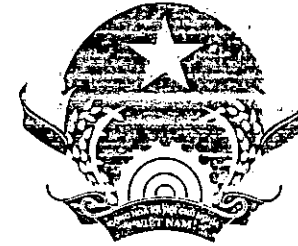
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viết Hồng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CP KHAI THÁC CÁT SẠM VÀ VẬN TẢI THANH CHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2901587771 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/9/2017.

Địa chỉ trụ sở: Khối 1, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



401774918000274

CN 785390

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 655, tờ bản đồ số: 3;
- Địa chỉ thừa đất: Xóm 5, xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Diện tích: 3.988,0 m², (Bằng chữ: Ba nghìn chín trăm tám mươi tám mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Riêng: 3.988,0 m², chung: Không;
- Mục đích sử dụng đất: Đất thương mại, dịch vụ;
- Thời hạn sử dụng đất: Đến hết ngày 11/9/2067;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm;

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

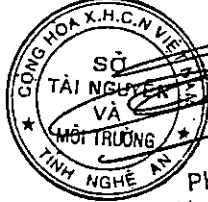
- Việc sử dụng đất phải đúng mục đích xây dựng bến, bãi tập kết, kinh doanh cát sỏi, vật liệu xây dựng thông thường.

Nghệ An, ngày 12 tháng 10 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

TU. CHỦ TỊCH

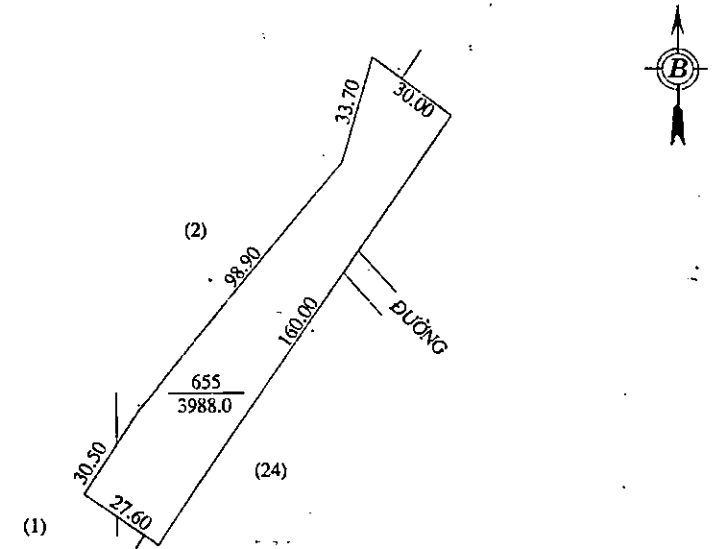
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Văn Ngọc

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

THEO TRÍCH LỤC VÀ DO VẼ BỔ SUNG BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT SỐ 16/2018/BĐĐC/NPĐK
ĐƯỢC UBND HUYỆN THANH CHƯƠNG PHÊ DUYỆT NGÀY 15/5/2018



KÍCH THƯỚC TÍNH BẰNG MÉT

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 203.76

Số: 11425/SXD.KTQH

V/v chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Bãi tập
kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi tại
xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương.

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2017

UBND XÃ THANH VĂN	
Số: 520	
ĐẾN Ngày: 22/6/2017	
Chuyển Xét đề nghị	

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1146/SKHĐT-KTĐN ngày 17/05/2017 "về việc cho ý kiến chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương"; Gửi kèm theo hồ sơ đề xuất đầu tư dự án; Sơ đồ vị trí khu đất xin khảo sát địa điểm và các văn bản liên quan khác (Hồ sơ đến Sở Xây dựng ngày 17/05/2017). Sau khi xem xét hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trạng và đối chiếu các hồ sơ liên quan,

Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Về vị trí, quy mô diện tích và hiện trạng khu đất xin khảo sát: Công ty Cổ phần khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương đề nghị được khảo sát địa điểm lập quy hoạch xây dựng Dự án Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi tại thôn 05, xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương. Vị trí cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: Sông Lam;
 - + Phía Nam giáp: Đất ao hồ;
 - + Phía Đông giáp: Đất trồng cây lâu năm;
 - + Phía Tây giáp: Đất trồng cây lâu năm.
- Diện tích khảo sát khoảng: 3.988 m².
- Hiện trạng khu đất: là đất trồng cây lâu năm do UBND xã quản lý.

2. Về quy hoạch:

2.1. Về quy hoạch xây dựng:

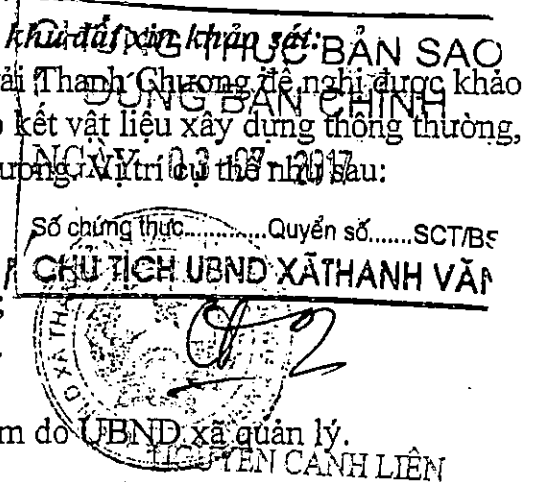
Căn cứ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thanh Văn đã được UBND huyện Thanh Chương phê duyệt tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 thì vị trí khu đất nêu trên thuộc khu vực quy hoạch đất bến bãi tập kết kinh doanh vật liệu xây dựng.

2.2. Về quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa:

Căn cứ quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Nghệ An đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 vị trí khu đất nêu trên phù hợp với định hướng quy hoạch được duyệt.

3. Kết luận, kiến nghị:

- Dự án Bến, bãi mua bán cát sỏi, vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương do Công ty Cổ phần khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương đề xuất là một trong các dự án mà Sở Xây dựng đã có tổng hợp và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1222/SXD.KTQH ngày 06/6/2017 "về việc báo cáo xin ý kiến xử lý các hồ sơ xin chủ trương đầu tư xây dựng dự án Bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Nghệ An". Trong quá trình xử lý tham mưu các hồ sơ này, Sở Xây dựng nhận được Đơn kiến nghị của người dân ngày



17/5/2017 có nêu về các vấn đề “nạn khai thác cát lậu, nạn “cò” chạy thủ tục dự án.. nên Sở Xây dựng phải dẫn tiến độ tham mưu để xác định các vấn đề có liên quan.

Do đến nay UBND tỉnh chưa có văn bản chỉ đạo các nội dung mà Sở Xây dựng đã báo cáo, đồng thời qua xác minh các vấn đề Đơn kiến nghị của người dân nêu trên chưa có đủ cơ sở để kết luận và Hồ sơ xin chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư. Vì vậy, Sở Xây dựng thống nhất chủ trương và đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét cho phép Công ty Cổ phần khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương được thực hiện dự án đầu tư tại vị trí khu đất nêu trên. Quá trình xem xét hồ sơ kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm đến các vấn đề Sở Xây dựng đã báo cáo tại Công văn số 1222/SXD.KTQH ngày 06/6/2017 “về việc báo cáo xin ý kiến xử lý các hồ sơ xin chủ trương đầu tư xây dựng dự án Bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Nghệ An” và Công văn số 1308/SXD.KTQH ngày 14/6/2017 “về việc trả lời các nội dung của Công ty Cổ phần khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương nêu”.

- Nếu được UBND tỉnh thống nhất chủ trương, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện các nội dung sau:

+ Thuê đơn vị tư vấn thiết kế có đủ năng lực tổ chức khảo sát hiện trạng khu đất, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trình thẩm định phê duyệt quy hoạch và xin phép xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành trước khi xây dựng công trình.

+ Làm việc với các cơ quan liên quan để thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

- Việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của dự án phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Phạm vi ranh giới, diện tích khu đất nêu trên là để khảo sát nghiên cứu lập quy hoạch, không đồng nghĩa là ranh giới quy hoạch của dự án. Ranh giới, diện tích quy hoạch của dự án phải đảm bảo hình dáng cơ bản và diện tích nhỏ hơn hoặc bằng ranh giới, diện tích đã được cấp thẩm quyền cho phép.

+ Phương án quy hoạch phải đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh không ảnh hưởng đến dòng chảy của sông Lam.

+ Các hạng mục công trình trong quy hoạch phải phù hợp với nội dung dự án do Chủ đầu tư đề xuất gồm: Nhà văn phòng làm việc; nhà bảo vệ; bãi đậu xe, bãi tập kết cát sỏi và các công trình phụ trợ khác (bể nước sinh hoạt...). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án phải đảm bảo kết nối hài hòa với hệ thống hạ tầng khu vực bên ngoài dự án; phải có giải pháp về thu gom xử lý, nước thải, rác thải để không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng về chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Bãi tập kết vật liệu xây dựng thông thường, cát sỏi tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND huyện Thanh Chương;
- UBND xã Thanh Văn;
- Giám đốc Sở XD;
- Các PGĐ Sở XD;
- Lưu VP, VT/SXD, KTQH (H.Phương).





GIÁM ĐỐC

Hoàng Trọng Kim

BAN ĐO XIN CẤP PHEP BEN THUY NỘI ĐỊA
BÀI TẬP KẾT CÁT SỎI, VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THUỘC THÔN 5 XÃ THANH VÂN, HUYỆN THANH CHUÔNG, TỈNH NGHỆ AN

GHI CHÚ

-  ĐƯỜNG BÌNH DỘ,
KHOẢNG CÁCH ĐỀU 1.0M
-  HỆ TOẠ ĐỘ VN2000
KIT 105 ĐỘ 45' MŨI CHIỀU 3 ĐỘ
-  LÀNG XÓM, NHÀ DÂN
-  ĐƯỜNG GIAO THÔNG
-  TALUY SƯỜN TĂNG
-  SÔNG, SÚỚI
-  RANH GIỚI THỬA ĐẤT

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ KHU ĐẤT

TỌA ĐỘ VN 2000, KIT 105 45 MŨI CHIỀU 3'		
TT	X	Y
1	558080.2184	2081860.0370
2	558104.2988	2081842.1509
3	558012.7038	2081710.9626
4	557989.9907	2081726.6673
5	558006.8184	2081752.0470
6	558070.4484	2081827.7870
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT 3988M2		

XÃ THANH TIỀN

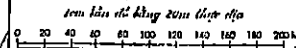
ẤU TÀU XƯƠNG ĐÀU

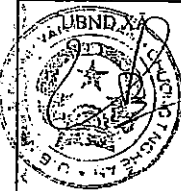
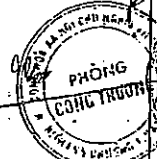


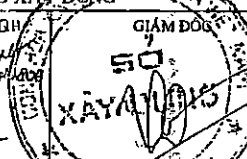
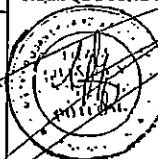
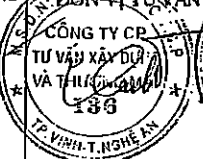
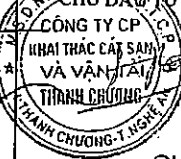
KHU ĐẤT XIN CẤP PHEP

XÃ THANH HUNG

XÃ THANH VÂN

TỶ LỆ: 1/2000



 UBND HUYỆN THANH CHUÔNG	P. CÔNG THƯƠNG  PHÒNG CÔNG THƯƠNG	P. TÀI NGUYÊN  PHÒNG TÀI NGUYÊN	UBND HUYỆN THANH CHUÔNG CHỦ TỊCH  NGUYỄN HỮU MINH	SỞ XÂY DỰNG PHÒNG QLQH  HOÀNG THỊ HỒNG KIM	TRẠM QL ĐƯỜNG SÔNG  Lê Văn Cường	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG 136  GIÁM ĐỐC Trần Xuân Bình	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP KHAI THÁC CÁT SỎI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THANH CHUÔNG-T. NGHỆ AN  GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Đình
--	--	--	---	--	---	--	---

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

Bến: VLXD cát sỏi xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Điều 10, Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ bãi sông;

Căn cứ Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Nghệ An và Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3, Điều 3, Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh Nghệ An;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương của Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch – Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa: **Bến VLXD cát sỏi xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương.**

Tại vị trí: Từ Km99+795,8-Km99+903,1 phía bờ trái sông Lam.

Thuộc địa phận: Xóm Văn Thượng, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Của: Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương.

Địa chỉ: Khối 11, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Loại bến: Loại II (TCCS 03:2020/CĐTND).

Vùng đất của bến: 3.988 m².

Kết cấu công trình bến: Mặt bằng bến san lấp bằng đất; kè bằng rọ đá, đường lên xuống bến bằng cấp phối.

Được phép tiếp nhận phương tiện có trọng tải dưới 300 tấn.

Vùng nước của bến theo sơ đồ vùng nước được Công ty CPQL và XDGT Thủy

bộ Nghệ An xác nhận ngày 03/8/2021, cụ thể như sau:

- Chiều dài: 107,3 m bám dọc theo bờ sông Lam.
- Chiều rộng: 5,0 m kể từ mép ngoài bên trở ra.

Thiết bị trên bến: 04 cần trục gầu ngoạm, 01 cần tải trọng xe (kiểu loại cần trục).

Điều 2. Trong thời gian hoạt động, Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **05/8/2021** đến ngày **05/8/2026**.


Điều 4. Công ty CP khai thác cát sạn và vận tải Thanh Chương, các phòng, ban liên quan Sở GTVT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

(Quyết định này thay thế Quyết định số 502/QĐ-SGTVT ngày 04/8/2021 của Sở Giao thông vận tải).

Nơi nhận:

- Cty CPKTCS&VT Thanh Chương;
- UBND H. Thanh Chương;
- UBND xã Đại Đồng;
- TTGTVT;
- Đơn vị quản lý;
- Lưu VT; KHKCHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quế Sự

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN
Số: 465 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SAO
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 03 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3658/STNMT-QLĐĐ ngày 29/6/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 3.988,0 m² đất trồng cây lâu năm tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương do UBND xã Thanh Văn quản lý, sử dụng (để cho Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương thuê đất để thực hiện dự án).

Vị trí ranh giới khu đất thu hồi, cho thuê được xác định theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 16/2018/BĐĐC/VPĐK tỷ lệ 1/2000 được UBND huyện Thanh Chương xác nhận ngày 15/5/2018.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của UBND xã Thanh Văn khi thu hồi đất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương; Chủ tịch UBND xã Thanh Văn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT NN
- Lưu VT, NN

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐƯỢC VỚI BAN CHẤP HÀNH
SCT/BS
NGÀY 12-07-2018
CÔNG CHỨNG VIÊN
KHOA HỒ SƠ CÔNG CHỨNG ĐẠI ĐỒNG

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Việt Hồng

Nguyễn Việt Dũng

QUYẾT ĐỊNH

V/v cho Công ty Cổ phần Khai thác Cát sạn và Vận tải Thanh Chương thuê đất tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3658/STNMT-QLĐĐ ngày 29/6/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Cho Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương thuê 3.988,0 m² đất tại xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích xây dựng bến, bãi tập kết, kinh doanh cát sỏi, vật liệu xây dựng thông thường.


2. Thời gian cho thuê đất: Đến hết ngày 11/9/2067;

3. Hình thức cho thuê đất: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Vị trí ranh giới khu đất thu hồi, cho thuê được xác định theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 16/2018/BĐĐC/VPĐK tỷ lệ 1/2000 được UBND huyện Thanh Chương xác nhận ngày 15/5/2018.

Điều 2. 1. Giao Cục Thuế tỉnh Nghệ An : Xác định đơn giá thuê đất, số tiền thuê đất mà Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương phải nộp theo quy định;

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tiến hành giao đất trên thực địa cho Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương theo quy định. 

- Ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương khi được thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương; Chủ tịch UBND xã Thanh Văn, Giám đốc Công ty CP Khai thác cát sạn và Vận tải Thanh Chương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT NN;
- Lưu: VT, NN (X. Hùng).

h

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viết Hồng